

KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2023 (TIN)

Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt

Ngày 29/12/2023	11,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-	3.8%	4.8%

Tổng thu nhập 2023
1,428,77
triệu VNĐ
YoY: ▲ 8,894 0.6%

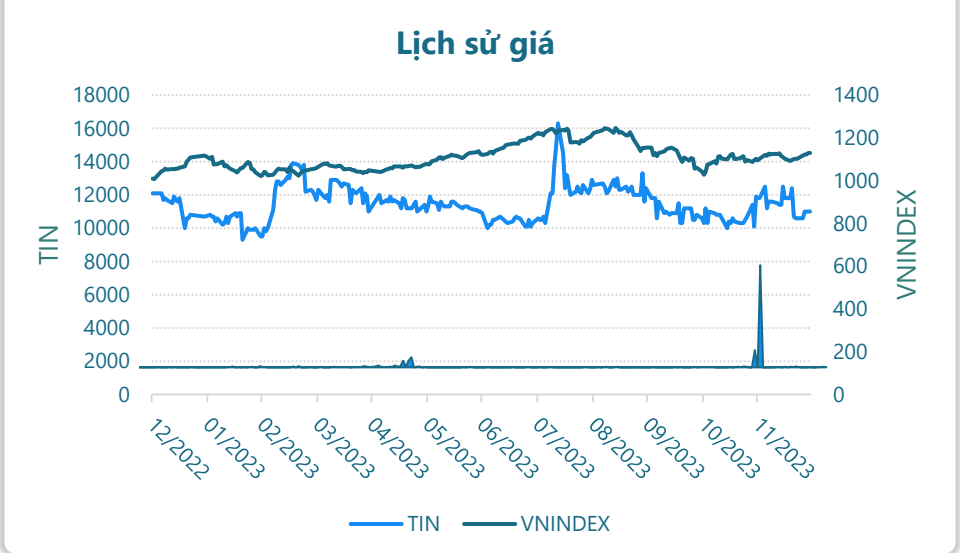
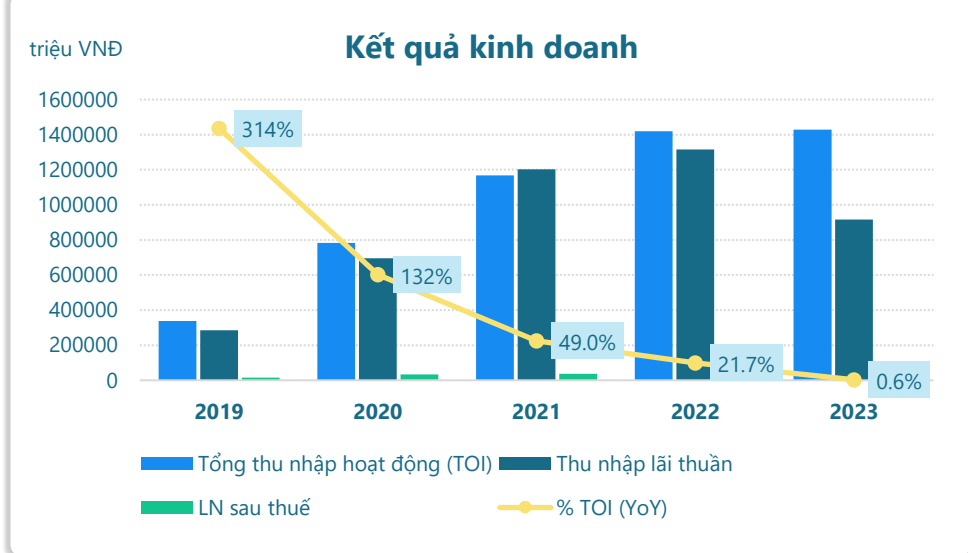
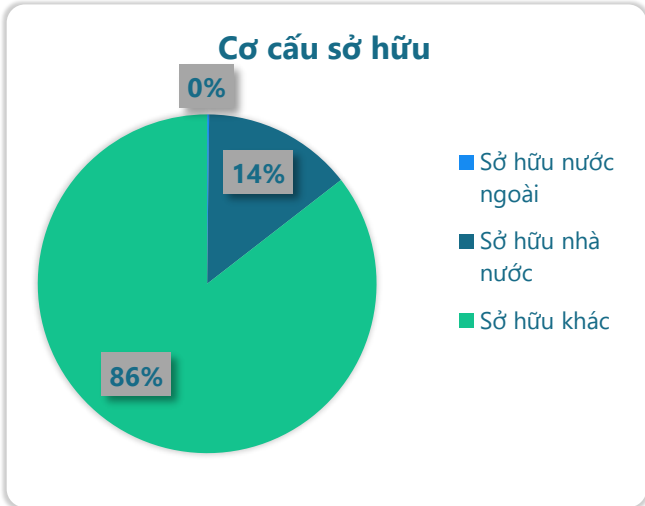
Thu nhập lãi thuần 2023
915,846
triệu VNĐ
YoY: ▼399,189 -30.4%

LN sau thuế 2023
16,630
triệu VNĐ
YoY: ▼46,744 -73.8%

YOEA 2023
21.0%
YoY: +/-▼ 7.7%

NIM 2023
14.4%
YoY: +/-▼ 8.0%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	9,300 - 16,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	772
Số lượng CPLH (CP)	70,137,214
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,015
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	0.78
EPS	275
P/E	40.1

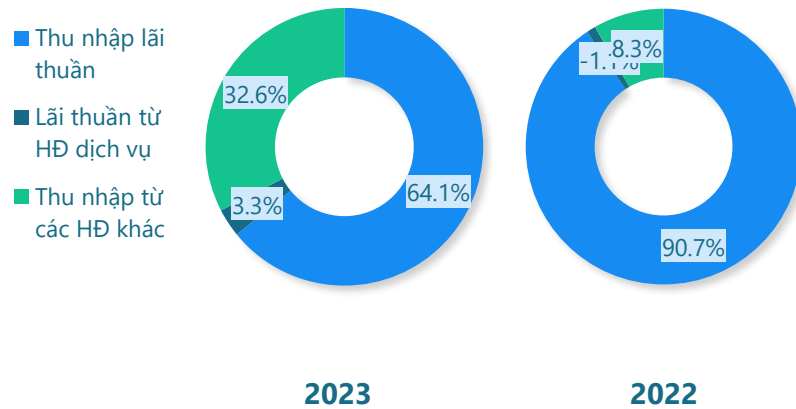


Tổng thu nhập hoạt động của **TIN** năm **2023 tăng trưởng 0.63%** so với năm trước, đạt **1,428,777** tỷ đồng. Tuy nhiên, trong đó thu nhập lãi thuần **giảm 30.4%** còn **915,846** tỷ đồng Lợi nhuận sau thuế **sụt giảm 73.8%** so với năm trước đạt **16,630** tỷ đồng.

Tỷ suất sinh lợi của Tài sản có sinh lãi (YOEA) **giảm đi 7.73%** so với năm trước còn **21.0%**, nhưng vẫn **cao hơn** mức **trung bình ngành 8.30%**. Tỷ lệ thu nhập lãi thuần (NIM) **giảm đi 8.01%** ở mức **14.4%**, **cao hơn** mức NIM trung bình ngành **3.46%**.

Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt

Thu nhập thuần



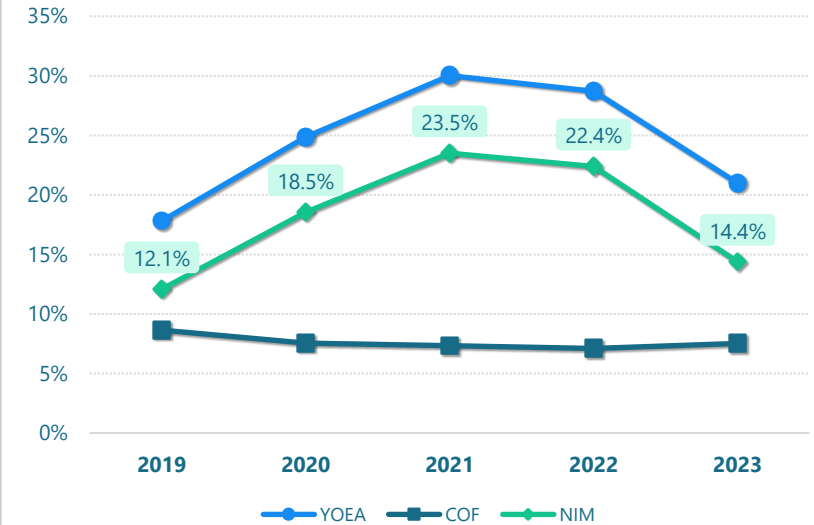
Năm 2023, thu nhập từ lãi thuần của TIN chiếm **64.1%** tổng thu nhập và tỷ lệ này **thấp hơn** năm trước (**92.6%**). **Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ** chiếm **3.32%** và **thu nhập từ các hoạt động khác** chiếm **32.6%** tổng thu nhập.

Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng đạt **828,674** tỷ đồng, **tăng 16.3%** so với năm trước.

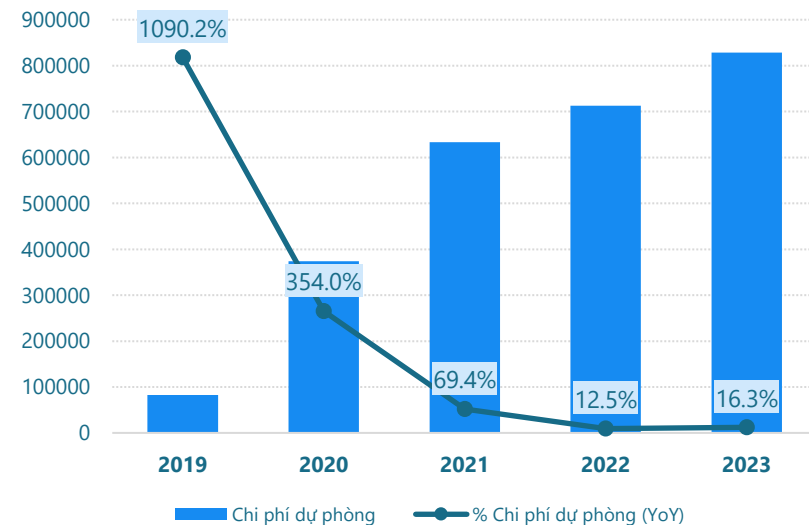
Tỷ lệ chi phí huy động vốn (COF) là **7.54%**, **tăng thêm 0.43 đ%** so với năm trước. Cho thấy chi phí huy động vốn của ngân hàng ngày càng đắt đỏ hơn. **COF** của TIN **cao** hơn trung bình ngành (**4.84%**) **2.70 đ%**, là một dấu hiệu tiêu cực cho thấy ngân hàng đang phải trả mức lãi suất cao hơn để huy động nguồn vốn so với các ngân hàng khác.

Chi phí hoạt động của TIN năm 2023 là **578,045** tỷ đồng, **giảm 8.53%** so với năm trước. Bên cạnh đó, Tỷ số chi phí trên thu nhập (CIR) bằng **40.5%** cũng **thấp hơn** năm trước **4.05 đ%** cho thấy ngân hàng đang cải thiện hiệu quả hoạt động. CIR của TIN **cao hơn** CIR trung bình ngành (**40.4%**) là **0.11 đ%**, ngân hàng cần tối ưu hóa chi phí, tăng thu nhập và quản lý rủi ro để nâng cao

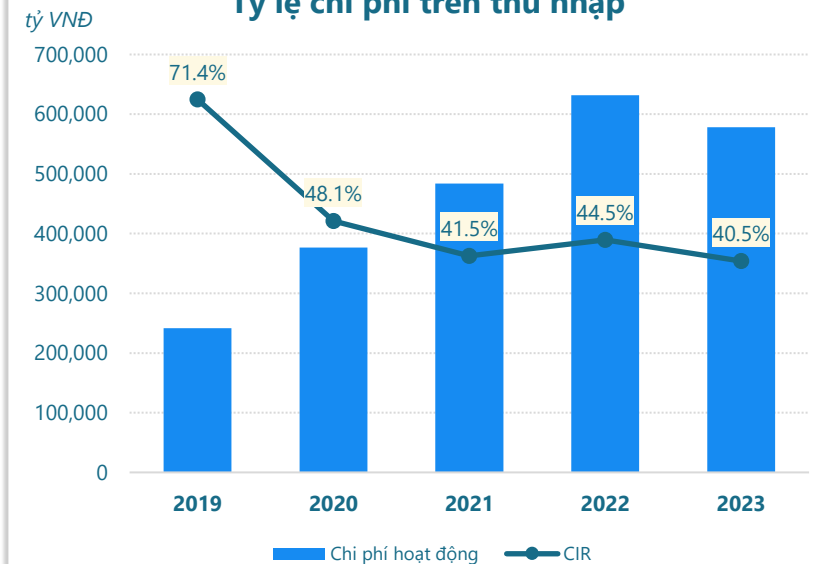
Tỷ suất sinh lợi, Chi phí



Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng

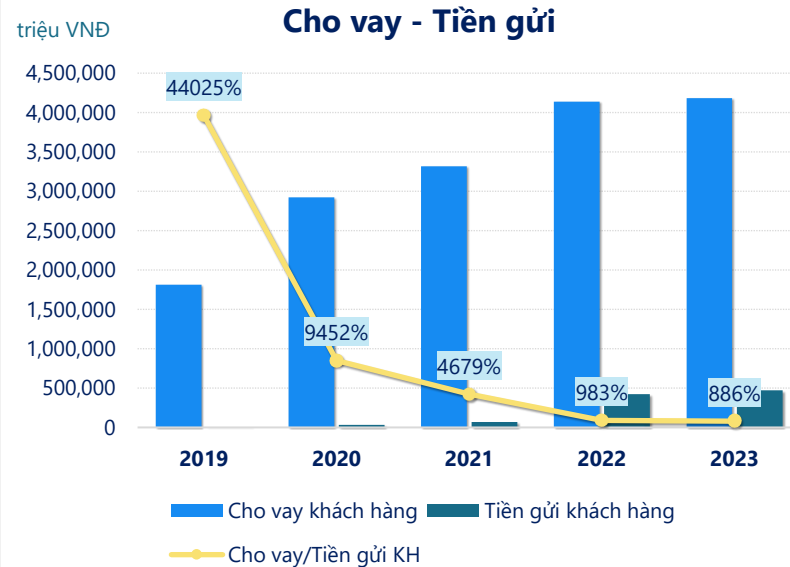


Tỷ lệ chi phí trên thu nhập

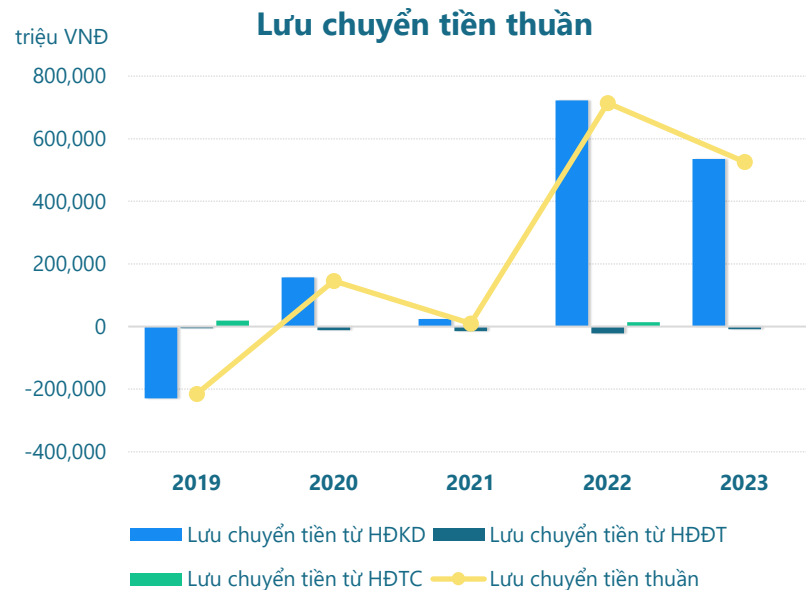


Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt

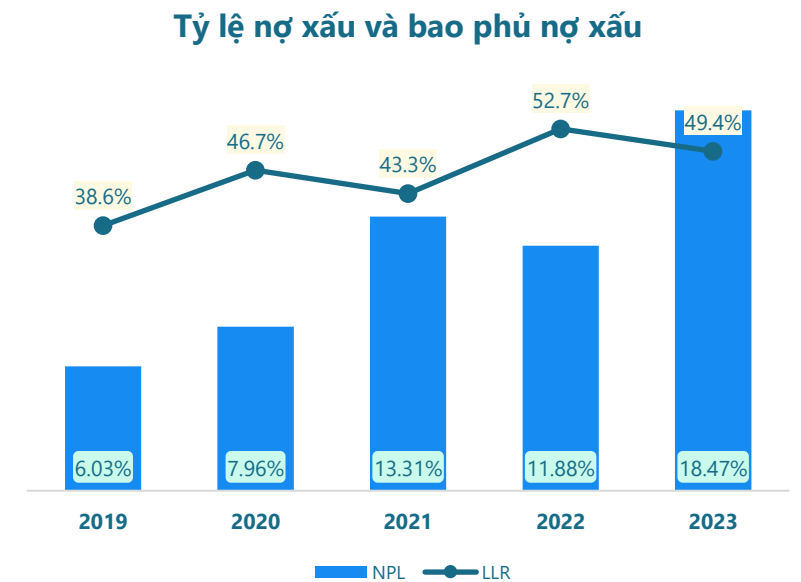
Lưu chuyển tiền thuần năm **2023** của **TIN** dương **526,023** tỷ đồng, trong đó đóng góp nhiều nhất là **Lưu chuyển tiền từ HĐKD** chiếm **534,836** tỷ đồng. Thể hiện quy mô vốn bằng tiền của ngân hàng đang tăng lên đặc biệt khi dòng tiền dương chủ yếu từ HĐKD.



Tỷ lệ nợ xấu (**NPL**) **tăng lên 18.5%** cùng với Tỷ lệ bao phủ nợ xấu (LLR) giảm xuống 49.4% so với năm trước cho thấy sự suy giảm về chất lượng tài sản và khả năng quản lý rủi ro của ngân hàng.



Năm **2023**, khoản **Cho vay khách hàng** của **TIN** đạt **4,184,309** tỷ đồng, **tăng trưởng 1.11%** so với năm trước. **Tiền gửi khách hàng** đạt **472,087** tỷ đồng, **tăng trưởng 12.1%** so với năm trước. **Tỷ lệ cho vay/tiền gửi khách hàng** thấp hơn năm trước nhưng vẫn bằng **886%**, cho thấy mặc dù hoạt động cho vay vẫn vượt quá khả năng huy động từ tiền gửi nhưng đã giảm đi so với năm trước. Ngân hàng đã quản lý và cơ cấu lại hoạt động cho vay và huy động vốn.



Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt

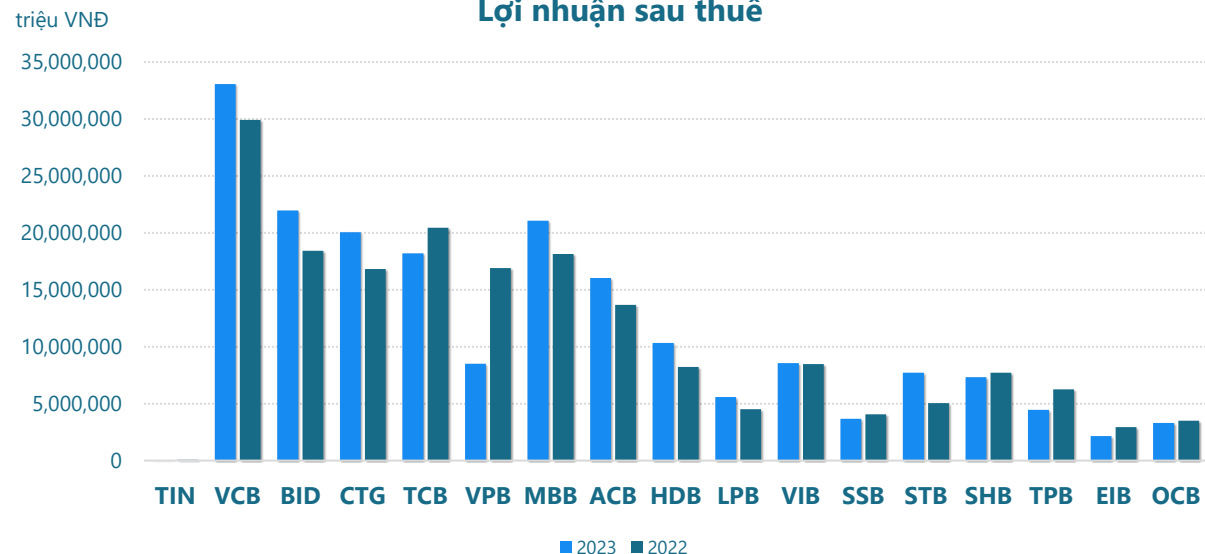
KẾT QUẢ KINH DOANH (triệu VNĐ)	2020	2021	2022	2023
Thu nhập lãi thuần	696,110	1,201,808	1,315,035	915,846
Lãi thuần từ HĐ dịch vụ	96,244	-25,046	-15,366	47,445
Lãi thuần từ KD ngoại hối	1,090	685	-2,134	2.57
Lãi thuần từ CK KD, Đầu tư	-2,317	-11,533	3,020	-7,885
Lãi thuần từ HĐ khác	-7,970	1,239	119,329	473,369
Lãi thuần từ góp vốn mua cổ phần	0	0	0	0
Tổng thu nhập hoạt động (TOI)	783,157	1,167,153	1,419,883	1,428,777
Chi phí hoạt động	376,741	484,057	631,954	578,045
LN trước dự phòng	406,416	683,096	787,929	850,733
Chi phí dự phòng	373,803	633,336	712,364	828,674
LN trước thuế	32,613	49,760	75,565	22,058
Thuế	0	12,864	12,191	5,429
LN sau thuế	32,613	36,896	63,374	16,630
LN ròng	32,613	36,896	63,374	16,630

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ #REF!	2020	2021	2022	2023
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	156,863	24,231	722,579	534,836
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-11,357	-14,492	-21,918	-8,814
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-14.7	0	13,500	0
Tiền đầu kỳ	195,907	341,399	351,138	1,065,300
Lưu chuyển tiền thuần	145,491	9,739	714,162	526,023
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	341,399	351,138	1,065,300	1,591,322

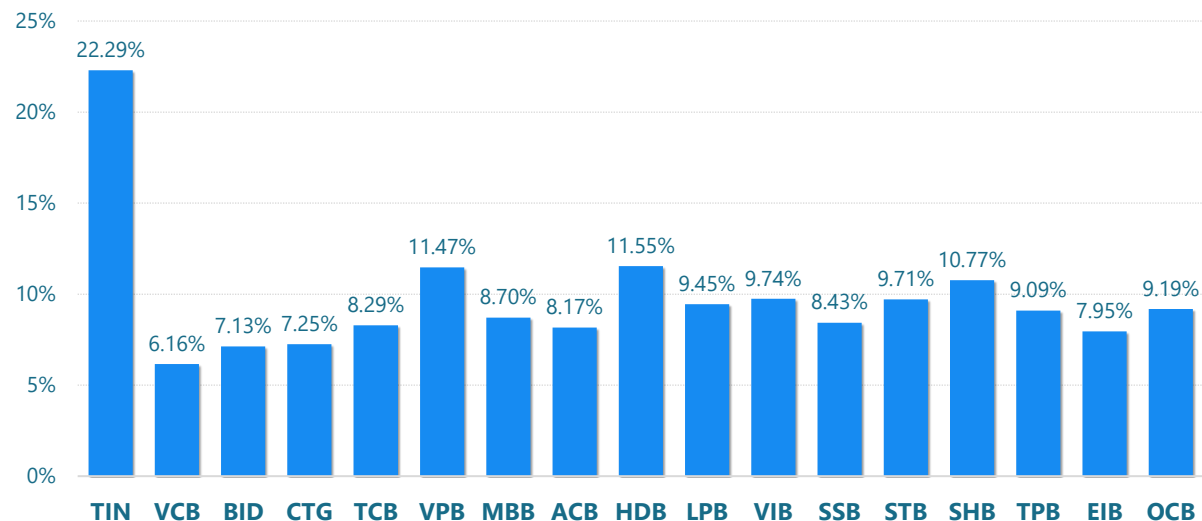
CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (triệu VNĐ)	2020	2021	2022	2023
Tổng tài sản	5,135,740	6,209,544	6,535,253	6,849,672
Tiền và TĐ tiền	0	0	0	0
Tiền gửi tại NHNN	97.6	252	301	78.4
Tín phiếu kho bạc và GTCG	0	0	0	0
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	341,301	350,886	1,064,999	1,591,244
Chứng khoán kinh doanh	0	535,666	0	0
Các CCPS và các TS TC khác	0	0	0	0
Cho vay khách hàng	2,920,781	3,315,948	4,138,210	4,184,309
Chứng khoán đầu tư	1,177,130	1,248,344	575,578	459,091
Góp vốn đầu tư dài hạn	2,760	12,359	3,480	3,240
Tài sản cố định	45,075	45,893	51,680	42,131
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0
Tài sản có khác	648,596	700,196	701,004	569,580
Tổng nợ	4,381,203	5,425,111	5,676,946	5,977,436
Các khoản nợ CP và NHNN	0	0	0	0
Tiền gửi và vay các TCTD khác	1,367,937	1,110,000	1,274,000	2,470,000
Tiền gửi khách hàng	30,900	70,869	421,118	472,087
Các CCPS và nợ TC khác	0	0	0	0
Vốn tài trợ, uỷ thác ĐT mà NH chịu RR	108,265	93,962	0	0
Phát hành giấy tờ có giá	2,636,000	3,871,400	3,693,200	2,814,500
Các khoản nợ khác	238,101	278,880	288,628	220,849
Vốn chủ sở hữu	754,537	784,433	858,307	872,237
Lợi ích của CĐ không kiểm soát	0	0	0	0

Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt

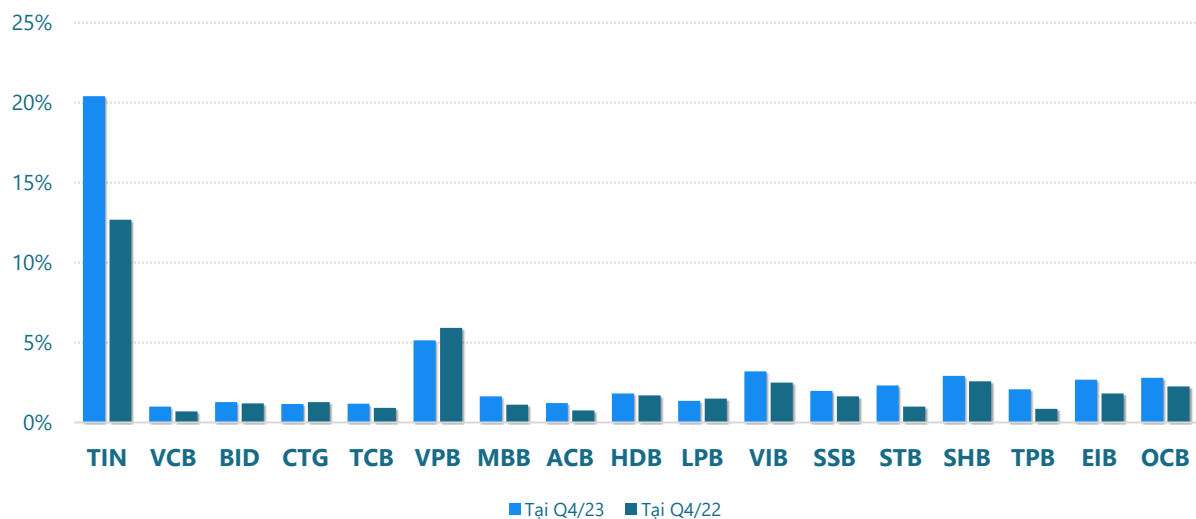
Lợi nhuận sau thuế



Tỷ suất sinh lợi của Tài sản sinh lãi (YOEА)



Tỷ lệ nợ xấu



Trong các mã chứng khoán trên, **VCB** có lợi nhuận sau thuế năm 2023 lớn nhất đạt **33,054,448** tỷ đồng (**tăng trưởng 10.5%**). **TIN** có lợi nhuận sau thuế thấp nhất chỉ đạt **16,630** tỷ đồng (**giảm đi 73.8%**).

Với Tỷ suất sinh lợi của Tài sản Có sinh lãi (**YOEА**), **TIN** đạt mức tỷ suất lớn nhất là **22.3%**, **VCB** đạt mức tỷ suất thấp nhất là **6.16%**. Còn **TIN** đạt mức tỷ suất là **22.3%**, xếp **thứ 4** trong các mã trên.

Tỷ lệ nợ xấu của **TIN** là cao nhất ở mức **20.4%**, ở mức thấp nhất là mã **VCB** bằng **1.00%**.